TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24/03/2021
"*V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lại Thiện Phong**

2/ Bà **Trương Thị Hồng Gi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Bà **Lê Huyền Mao** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 03 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 280/2020/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị N**, sinh năm 1991 *(Vắng mặt – Có đơn xin vắng)*

Địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chổ ở hiện nay: Ấp Tà Óc, xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Anh **Phạm Hoàng X**, sinh năm 1988 *(Vắng mặt không có lý do)*

Địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị N và anh X có tổ chức đám cưới vào năm 2015 và đến ngày 27/4/2015 thì chị N và anh X có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi đám cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới nhau cho đến khoảng năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, anh X thường hay nhậu nhẹt, đi sớm về khuya, không phụ giúp chị N trong chăm lo gia đình và con cái. Một mình chị N phải tự lo toan mọi việc trong ngoài. Vào năm 2019, chị N đã có nộp đơn ra Tòa án một lần nhưng sau khi Tòa án mời vợ chồng lên làm việc động viên thì chị N đã rút đơn lại để vợ chồng về sống chung với nhau. Nhưng từ đó đến nay anh X vẫn không thay đổi tính tình nên chị N và anh X đã ly thân với nhau từ khoảng cuối

tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh X được nữa nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh X.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng chị N và anh X có với nhau 01 người con chung là cháu Phạm Gia B, sinh ngày 15/11/2017. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Phạm Gia B sống cùng với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được quyền nuôi con chung, đồng thời yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị N không có yêu cầu gì khác.

Ngày 08/02/2021, chị Lê Thị N có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó chị không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung khi vợ chồng ly hôn. Các yêu cầu khác chị vẫn giữ nguyên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/11/2020 bị đơn anh Phạm Hoàng X trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh X thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian vợ chồng tổ chức đám cưới và thời gian vợ chồng đăng ký kết hôn. Anh X thừa nhận do công việc nên anh có nhậu hơi nhiều và về muộn, chị N không muốn anh nhậu nhiều nên giữa vợ chồng cũng có lời qua tiếng lại. Tuy nhiên không đến mức phải ly hôn. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh X thì anh X không đồng ý vì anh còn thương vợ và con.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng chị N và anh X có với nhau một người con chung là cháu Phạm Gia B, sinh ngày 15/11/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh X ly hôn thì anh yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung nên anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh X không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Phạm Hoàng X chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N về việc yêu cầu anh Phạm Hoàng X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Phạm Hoàng X;

+ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Gia B, sinh này 15/11/2017 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh X có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Anh X không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu;

+ Về tài sản: Chị N và anh X không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Ngoài ra chị N còn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị N khởi kiện xin được ly hôn và nuôi con với bị đơn anh Phạm Hoàng X. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp V, xã N, huyện H nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt; Bị đơn anh Phạm Hoàng X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh X căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

- Về nội dung vụ án:

[3] Tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2020, chị Lê Thị N yêu cầu anh Phạm Hoàng X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đến ngày 08/02/2021, chị Lê Thị N có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó chị không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của chị Lê Thị N là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội do đó căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N về việc yêu cầu anh Phạm Hoàng X cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Phạm Hoàng X, thấy rằng*: Chị N và anh X có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 27/4/2015 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị N trình bày quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh X thường hay nhậu nhẹt, đi sớm về khuya, không chăm lo cho gia đình và con cái. Một mình chị N phải lo toan mọi việc trong ngoài. Vào năm 2019 chị N đã có nộp đơn khởi kiện ra Tòa án xin ly hôn với anh X, tuy nhiên qua động viên hòa giải thì chị N rút đơn lại và về chung sống với anh X. Nhưng từ đó đến nay anh X vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ khoảng cuối tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh X được nữa nên chị xin được ly hôn với anh X. Quá trình giải quyết vụ án anh X không đồng ý ly hôn với chị N vì anh X còn thương vợ và con, anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên qua xác minh chính quyền địa phương nơi vợ chồng anh X, chị N sinh sống là ông Nguyễn Hồng L – Trưởng ấp V, xã N, huyện Hồng Dân *(tại biên bản xác minh ngày 15/01/2021 – Bút lục số 26)* thì được ông L cho biết, quá trình chung sống thì giữa vợ chồng anh X, chị N có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, vợ chồng chị N và anh X đã không còn sống chung với nhau nhiều tháng nay. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh X đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn

cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N, cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Phạm Hoàng X.

[5] Về quan hệ con chung: Chị N và anh X thống nhất xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có với nhau 01 người con chung là cháu Phạm Gia B, sinh ngày 15/11/2017. Thời điểm Tòa án thụ lý vụ án thì vợ chồng chị N và anh X chưa ly thân và cháu B sống cùng với chị N và anh X. Hàng ngày vợ chồng vẫn đưa rước con đi học. Tuy nhiên sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì chị N đã về bên nhà cha mẹ ruột ở ấp T, xã N sinh sống và mang cháu B theo cùng. Đồng thời qua xác minh ông Nguyễn Hồng L – Trưởng ấp V, xã N, huyện H thì cũng được ông L cho biết vợ chồng chị N và anh X có với nhau 01 người con chung là cháu Phạm Gia B, hiện tại cháu B đang sống cùng với chị N từ khi vợ chồng ly thân. Xét thấy, từ khi vợ chồng chị N và anh X ly thân đến nay thì cháu Phạm Gia B sống cùng với chị N do đó để bảo đảm sự phát triển ổn định của cháu Nguyễn Gia B cần tiếp tục giao cháu B cho chị N chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng chị N và anh X ly hôn. Anh X không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị N và anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Buộc chị Lê Thị N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Anh Phạm Hoàng X không phải chịu án phí.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N về việc yêu cầu anh Phạm Hoàng X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N. Cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Phạm Hoàng X.

3. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Gia B, sinh ngày 15/11/2017 cho chị Lê Thị N trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi vợ chồng ly hôn. Anh Phạm Hoàng X không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu. Anh Phạm Hoàng X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

4. Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị N và anh Phạm Hoàng X không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Lê Thị N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng. Chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 0003367 ngày 20/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện Hồng Dân (2b);
- CC.THADS huyện Hồng Dân (1b);
- UBND xã N (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh